

Số: 929 /UBND-TH

Bình Phước, ngày 04 tháng 3 năm 2025

V/v đẩy mạnh phân bổ và giải ngân
vốn đầu tư công năm 2025

Kính gửi:

- Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Chủ đầu tư.

Trong những tháng đầu năm 2025, với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các địa phương, việc phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công của tỉnh đã có chuyển biến tích cực. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công của một số huyện đạt khá tốt¹, còn lại các đơn vị khác giải ngân còn thấp². Tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp của huyện, thị xã, thành phố đạt khá 22%. Tuy nhiên, một số huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ giải ngân vốn phân cấp thấp hoặc chưa giải ngân³. Đồng thời, vốn ngân sách trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia đến ngày 24 tháng 02 năm 2025 chưa thực hiện giải ngân.

Những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện giải ngân vốn đầu tư công có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân khách quan là do công tác đấu giá quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng rất lớn đến công tác giải ngân vốn đầu tư công của các dự án từ nguồn thu này. Bên cạnh nguyên nhân khách quan thì nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, như: Công tác tổ chức thực hiện còn một số hạn chế, chưa tập trung xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc phát sinh của các dự án; vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố công tác chuẩn bị đầu tư của các dự án chất lượng chưa tốt, phân bổ vốn còn thiếu tập trung; công tác giải phóng mặt bằng còn chậm trễ nên đã gặp vướng mắc trong triển khai thực hiện; một số Ban Quản lý dự án, Chủ đầu tư, Nhà thầu còn yếu kém về năng lực; công tác kiểm tra, giám sát chưa tốt.

Thực hiện Công điện số 16/CĐ-TTg ngày 18/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 604/SKHĐT-ĐT ngày 24/02/2025,

Để phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đạt kết quả cao nhất, Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị các đồng chí Bí thư Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh và các Chủ đầu tư đề cao trách nhiệm, tập trung chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành triển khai thực hiện quyết liệt hơn nữa, đồng bộ

¹ Huyện Bù Đốp đạt 51,1%; thị xã Chơn Thành đạt 32,3%; huyện Bù Gia Mập đạt 29,4%; huyện Đồng Phú đạt 29,4%.

² Thị xã Phước Long đạt 2%; huyện Hớn Quản đạt 7%; thành phố Đồng Xoài đạt 7,2%; huyện Bù Đăng đạt 7,4%.

³ Huyện Phú Riềng chưa giải ngân; thị xã Phước Long đạt 1,3%; huyện Bù Đăng đạt 8,8%.

kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra theo các Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao tập trung quán triệt, thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Ất Ty 2025; Công điện số 16/CD-TTg ngày 18/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đôn đốc đẩy mạnh phân bổ và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025; Công điện số 01/CD-BKHĐT ngày 08/01/2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đôn đốc phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025.

2. Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về công tác đấu giá quyền sử dụng đất với kết quả cao nhất để có nguồn thu giải ngân vốn đầu tư công.

3. Triển khai có hiệu quả các Tổ công tác tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

4. Tiếp tục duy trì giao ban định kỳ về giải ngân vốn đầu tư công để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho từng dự án cụ thể, từng địa phương, nhất là tập trung thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, kịp thời, hiệu quả để đẩy mạnh giải ngân vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia.

5. Đề cao vai trò và gắn trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân; xác định kết quả giải ngân vốn đầu tư công là một tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu và tập thể, cá nhân liên quan.

6. Đối với vốn phân cấp các huyện, thị xã, thành phố: Yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo quyết liệt nhằm đẩy mạnh phân bổ và giải ngân số vốn được giao, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thiếu tập trung; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh về công tác phân bổ và giải ngân vốn phân cấp được giao.

7. Đối với dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước), căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương khẩn trương triển khai thực hiện dự án để đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 20/9/2024.

(Kèm theo Biểu số 1, Biểu số 2, Phụ lục 2.1, Biểu số 3, Biểu số 4)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP, Phòng TH;
- Lưu: VT. 493Binh



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền

BIỂU 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 949/UBND-TH ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2025		Thực hiện và giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)			Ghi chú
		Trung ương giao	Tỉnh giao	Số vốn	Tỷ lệ (%)		
					Trung ương giao	Tỉnh giao	
	TỔNG SỐ	14.879.625	5.594.854	485.883	3,3	8,7	
I	Vốn ngân sách trung ương	12.059.915	523.415	70.983	0,6	13,6	
1	Vốn trong nước	12.048.749	512.249	70.983	0,6	13,9	
1.1	Các Chương trình mục tiêu	1.953.200	186.700	70.983	3,6	38,0	
1.2	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	325.549	325.549				
-	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	171.242	171.242				
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.457	2.457				
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	151.850	151.850				
1.3	Nguồn dự phòng chung tương ứng với nguồn tăng thu ngân sách trung ương năm 2022	9.770.000					
2	Vốn nước ngoài	11.166	11.166				
II	Vốn ngân sách địa phương	2.819.710	5.071.439	414.900	14,7	8,2	
1	Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	493.310	694.379	244.640	49,6	35,2	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	800.000	3.250.660	127.841	16,0	3,9	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.485.000	1.085.000	42.419	2,9	3,9	
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	41.400	41.400				



Biểu số 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 929 /UBND-TH ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025						Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao					Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			
	Tổng số	5.594.854	523.415	694.379	3.250.660	1.085.000	41.400	485.883	8,68	
A	Vốn phân cấp huyện, thị xã, thành phố	754.596	-	303.600	450.996	-	-	166.139		
1	Thành phố Đồng Xoài	105.040		28.600	76.440			16.139		
2	Thị xã Bình Long	75.280		25.300	49.980			15.340		
3	Thị xã Phước Long	38.900		24.200	14.700			512		
4	Huyện Đồng Phú	72.700		28.600	44.100			19.764		
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	13.230			13.230					
5	Huyện Bù Đăng	61.300		31.900	29.400			5.371		
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	8.820			8.820					
6	Huyện Bù Gia Mập	56.900		27.500	29.400			13.080		
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	8.820			8.820					
7	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	98.060		27.500	70.560			40.843		
8	Huyện Hớn Quản	80.420		27.500	52.920			18.305		
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	15.876			15.876					



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025						Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao					Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			
9	Huyện Lộc Ninh	67.256		30.800	36.456			14.118		
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	10.937			10.937					
10	Huyện Bù Đốp	42.940		25.300	17.640			22.667		
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	5.292			5.292					
11	Huyện Phú Riềng	55.800		26.400	29.400					
	<i>Trong đó:</i>									
	<i>Đầu tư cho xây dựng nông thôn mới tối thiểu 30%</i>	8.820			8.820					
B	Trả nợ vay ODA (Dự án Minh Lập - Lộc Hiệp)	15.790		15.790				-		
	Sở Tài chính	15.790		15.790						
C	Hoàn trả ngân sách tỉnh	1.583.000		-	1.583.000		-			
I	Hụt thu tiền sử dụng đất khối tỉnh năm 2022	1.533.000			1.533.000					
II	Hoàn trả nguồn hỗ trợ thành phố Hồ Chí Minh	50.000			50.000					
D	Vốn thực hiện dự án	2.588.604	197.866	301.238	1.063.100	985.000	41.400	319.744		
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh	1.079.264	186.700	26.764	379.400	445.000	41.400	93.902	8,70	
	Dự án chuyển tiếp	717.100	186.700	20.000	379.400	131.000	-	82.753		
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	35.000				35.000		-		

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao				Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao			
2	Xây dựng đường phía Tây QL13 kết nối Bàu Bàng	60.000			60.000		-		
3	Nâng cấp, mở rộng DT753 và xây dựng cầu Mã Đà kết nối với sân bay quốc tế Long Thành Đồng Nai và cảng Cái Mép, Thị Vải Bà Rịa - Vũng Tàu	236.700	186.700		50.000		70.983		
4	Nâng cấp, mở rộng QL14 đoạn Đồng Xoài - Chơn Thành	153.400			153.400		-		
5	Xây dựng mương thoát nước mưa và thoát nước thải ngoài hàng rào khu công nghiệp Minh Hưng Sikico mở rộng	16.000			16.000		-		
6	Xây dựng Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh BP	20.000		20.000			11.770		
7	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi suối Đak Woa, huyện Bù Đăng	60.000			60.000		-		
8	Dự án tăng cường khả năng thoát lũ Suối Rạt	40.000			40.000		-		
9	Dự án kiên cố hóa phòng học tạm, phòng học bán kiên cố cấp học Mầm non và Tiểu học cho vùng đồng bào DTTS, vùng sâu, vùng xa theo QĐ 900/QĐ-TTg (300 phòng học)	90.000				90.000	-		
10	Cải tạo, nâng cấp Hội trường tỉnh	6.000				6.000	-		
	Dự án khởi công mới	355.400	-	-	-	314.000	4.461		
11	Dự án Hiện đại hóa thuy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Phước	41.400					41.400	-	

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao				Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao			
12	Xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành đoạn qua địa bàn tỉnh Bình Phước	314.000				314.000	4.461		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	6.764	-	6.764	-	-	6.688		
13	Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư, tỉnh Bình Phước	6.620		6.620			6.545		
14	Cải tạo, nâng cấp Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Phước	144		144			143		
II	UBND thành phố Đồng Xoài	129.740	-	740	60.000	69.000	739		
	Dự án chuyển tiếp	129.000	-	-	60.000	69.000	-		
1	Xây dựng đường Trường Chinh (đoạn qua khu đô thị Cát Tường)	60.000			60.000		-		
2	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	69.000				69.000	-		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	740	-	740	-	-	739		
3	Xây dựng vỉa hè, cây xanh và hệ thống thoát nước thải đường Nguyễn Huệ, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	740		740			739		
III	UBND huyện Đồng Phú	362.000	-	132.000	230.000	-	108.035		
	Dự án chuyển tiếp	362.000	-	132.000	230.000	-	108.035		
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	120.000			120.000		-		



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025						Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao					Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			
2	Xây dựng đường trục chính từ ĐT.741 vào khu công nghiệp và dân cư Đồng Phú	162.000		52.000	110.000			60.614		
3	Xây dựng đường từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	60.000		60.000				36.194		
4	Nâng cấp mở rộng đường đường Phú Riêng Đô từ TTHC huyện đi Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú, huyện Đồng Phú	20.000		20.000				11.227		
IV	UBND thị xã Bình Long	63.395	-	395	40.000	23.000	-	-		
	Dự án chuyển tiếp	63.000	-	-	40.000	23.000	-	-		
1	Xây dựng đường Lê Đại Hành thị xã Bình Long nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	23.000				23.000		-		
2	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	40.000			40.000			-		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	395	-	395	-	-	-	-		
3	Hồ bơi Trường THPT chuyên Bình Long, thị xã Bình Long	395		395				-		
V	UBND thị xã Phước Long	33.000	-	22.000	-	11.000	-	947		
	Dự án chuyển tiếp	33.000	-	22.000	-	11.000	-	947		
1	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 đến đường vòng quanh núi Bà Rá	12.000		12.000	-			-		
2	Xây dựng, láng nhựa đường từ ĐT 741 (gần Công ty cao su Phước Long, huyện Phú Riềng) đến đường ĐT 759 (khu vực Long Điền, Long Phước)	10.000		10.000				-		



STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao				Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao			
3	Xây dựng cầu bắc qua Sông Bé (nối thị xã Phước Long với huyện Bù Gia Mập)	7.000				7.000	-		
4	Xây dựng đường từ ĐT.759 đi qua khu di tích lịch sử Cây Khế Bà Định và nhà tù Bà Rá	4.000				4.000	947		
VI	UBND thị xã Chơn Thành	65.271	-	65.271	-	-	-	11.905	
	Dự án chuyển tiếp	65.000	-	65.000	-	-	-	11.905	
1	Xây dựng đường từ Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành đi xã Quang Minh kết nối KCN Becamex	5.000		5.000			-		
2	Xây dựng đường liên khu phố 4, khu phố 5 TT Chơn thành đến KCN Chơn Thành	60.000		60.000			11.905		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	271	-	271	-	-	-	-	
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Chơn Thành	271		271			-		
VII	UBND huyện Bù Đốp	87.500	-	-	87.500	-	-	43.935	
	Dự án chuyển tiếp	87.500	-	-	87.500	-	-	43.935	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đi trung tâm thương mại huyện Bù Đốp	2.500			2.500		-		
2	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài	30.000			30.000		16.194		
3	Nâng cấp, mở rộng đường từ ĐT.759B đoạn từ đồn biên phòng 789 đi sông Măng qua cửa khẩu Hoàng Diệu	55.000			55.000		27.741		
VIII	UBND huyện Bù Gia Mập	57.000	-	20.000	37.000	-	-	20.409	
	Dự án chuyển tiếp	57.000	-	20.000	37.000	-	-	20.409	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk Ố xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	25.000			25.000		14.519		

STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao				Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao			
2	Nâng cấp mở rộng đường từ cầu bắc qua Sông Bé (kết nối TX Phước Long và huyện Bù Gia Mập đến QL 14C)	20.000		20.000			2.190		
3	Nâng cấp, mở rộng đường ĐH từ xã Đa Kìa qua xã Bình Thắng, huyện Bù Gia Mập đi xã Long Bình, huyện Phú Riềng	6.000			6.000		3.700		
4	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	6.000			6.000		-		
IX	UBND huyện Bù Đăng	11.000	-	11.000	-	-	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	11.000	-	11.000	-	-	-	-	
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	11.000		11.000			-		
X	UBND huyện Hớn Quản	180.000	-	-	150.000	30.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	180.000	-	-	150.000	30.000	-	-	
1	Xây dựng đường trục chính từ xã Tân Khai đi Phước An và Tân Quan, huyện Hớn Quản	60.000			60.000		-		
2	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	90.000			90.000		-		
3	Xây dựng các tuyến đường từ thị trấn Tân Khai kết nối với các tuyến đường đi xã Phước An, Đồng Nơ và Minh Đức, huyện Hớn Quản	30.000				30.000	-		
XI	UBND huyện Phú Riềng	94.000	-	-	2.500	91.500	-	37.010	
	Dự án chuyển tiếp	94.000	-	-	2.500	91.500	-	37.010	
1	Nâng cấp mở rộng đường liên huyện Phú Riềng - Bù Đăng	20.000				20.000	19.610		



STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao				Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XDCB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao			
2	Xây dựng Kết nối đường liên huyện Phú Riềng - Cầu Long Tân - Tân Hưng (Hớn Quản).	25.000				25.000	-		
3	Xây dựng đường từ xã Phú Trung đi xã Phước Tân, kết nối ĐH 312 với đường ĐT 759	45.000			2.500	42.500	17.400		
4	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	2.000				2.000	-		
5	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	2.000				2.000	-		
XII	Huyện Lộc Ninh	5.979	-	5.979	-	-	-	2.790	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	5.979	-	5.979	-	-	-	2.790	
	Nâng cấp đường 13B từ ngã 3 Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	5.979		5.979			2.790		
XIII	Liên minh HTX	10.000	-	10.000	-	-	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	10.000	-	10.000	-	-	-	-	
1	Bổ sung thêm vốn điều lệ phát triển hợp tác xã	10.000		10.000			-		
XIV	Sở Thông tin và Truyền thông	200.000	-	-	-	200.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	200.000	-	-	-	200.000	-	-	
1	Đầu tư thiết bị, phần mềm, cơ sở dữ liệu phục vụ xây dựng Chính quyền số, địa phương thông minh tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022-2025	200.000				200.000	-		
XV	Công an tỉnh	40.342	-	342	-	40.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	40.000	-	-	-	40.000	-	-	
1	Đầu tư hệ thống giám sát giao thông, an ninh trên địa bàn tỉnh	25.000				25.000	-		



STT	Dan h mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025					Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao				Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao			
2	Xây dựng Trại tạm giam Công an tỉnh (giai đoạn 2)	15.000				15.000		-	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	342	-	342	-	-	-	-	
3	Xây dựng phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Phước	342		342				-	
XVI	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	55.000	-	-	-	55.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	55.000	-	-	-	55.000	-	-	
1	Xây dựng kho vũ khí đạn Bộ CHQS tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2)	25.000				25.000		-	
2	Sở chỉ huy thống nhất tỉnh Bình Phước - giai đoạn 1; Mật danh: HBP-21/GĐ1	30.000				30.000		-	
XVII	Sở Y tế	29.166	11.166	-	-	18.000	-	-	
	Dự án chuyển tiếp	29.166	11.166	-	-	18.000	-	-	
1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở giai đoạn 2021 - 2025	29.166	11.166			18.000		-	
XVIII	Sở Tài nguyên và Môi trường	76.700	-	-	76.700	-	-	-	
1	Vốn Đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	76.700			76.700			-	
XIX	Hội Nông dân tỉnh	2.500	-	-	-	2.500	-	-	
1	Vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh	2.500				2.500		-	
XX	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	2.987	-	2.987	-	-	-	-	
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	2.987	-	2.987	-	-	-	-	
1	Bảo vệ và phát triển rừng tại Vườn Quốc gia Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước	2.987		2.987					

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025						Thực hiện giải ngân 02 tháng đầu năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)		Ghi chú
		Tổng số	Trung ương giao					Giải ngân	Tỷ lệ	
			NSTW	Chi XD CB tập trung	Tiền sử dụng đất	Trung ương giao	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương			
XXI	Đài PTTH và Báo Bình Phước	3.746	-	3.746	-	-	-	72		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	3.746	-	3.746	-	-	-	72		
1	Hệ thống sản xuất chương trình phát thanh và tổng khống chế truyền dẫn	1.483		1.483				34		
2	Hệ thống sản xuất truyền hình và lưu trữ trung tâm	2.263		2.263				38		
XXII	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bình Phước (nay là Trung tâm kiểm soát bệnh tật)	14	-	14	-	-	-	-		
	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán	14	-	14	-	-	-	-		
1	Khoa xét nghiệm Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bình Phước	14		14						
E	Vốn lập Quy hoạch	153.400			153.400			-		
F	Vốn chuẩn bị đầu tư kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030	30.153		29.989	164			-		



Phụ lục 2.1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 929 /UBND-TH ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2025	Thực hiện giải ngân 02 tháng năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	754.596	166.139	22,0	
1	Thành phố Đồng Xoài	105.040	16.139	15,4	
2	Thị xã Bình Long	75.280	15.340	20,4	
3	Huyện Lộc Ninh	67.256	14.118	21,0	
4	Thị xã Phước Long	38.900	512	1,3	
5	Huyện Bù Đăng	61.300	5.371	8,8	
6	Huyện Đồng Phú	72.700	19.764	27,2	
7	Thị xã Chơn Thành	98.060	40.843	41,7	
8	Huyện Bù Đốp	42.940	22.667	52,8	
9	Huyện Hớn Quản	80.420	18.305	22,8	
10	Huyện Bù Gia Mập	56.900	13.080	23,0	
11	Huyện Phú Riềng	55.800	-	0,0	



BIỂU 3

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo Công văn số 929 /UBND-TH ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2025	Thực hiện giải ngân 02 tháng năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5.594.854	485.883	8,7	
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	1.079.264	93.902	8,7	
2	Thành phố Đồng Xoài	234.780	16.878	7,2	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>105.040</i>	<i>16.139</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>129.740</i>	<i>739</i>		
3	Thị xã Bình Long	138.675	15.340	11,1	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>75.280</i>	<i>15.340</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>63.395</i>	<i>-</i>		
4	Huyện Lộc Ninh	73.235	16.908	23,1	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>67.256</i>	<i>14.118</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>5.979</i>	<i>2.790</i>		
5	Thị xã Phước Long	71.900	1.459	2,0	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>38.900</i>	<i>512</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>33.000</i>	<i>947</i>		
6	Huyện Bù Đăng	72.300	5.371	7,4	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>61.300</i>	<i>5.371</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>11.000</i>	<i>-</i>		
7	Huyện Đồng Phú	434.700	127.799	29,4	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>72.700</i>	<i>19.764</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>362.000</i>	<i>108.035</i>		
8	Thị xã Chơn Thành	163.331	52.748	32,3	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>98.060</i>	<i>40.843</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>65.271</i>	<i>11.905</i>		
9	Huyện Bù Đốp	130.440	66.602	51,1	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>42.940</i>	<i>22.667</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>87.500</i>	<i>43.935</i>		
10	Huyện Hớn Quản	260.420	18.305	7,0	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>80.420</i>	<i>18.305</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>180.000</i>	<i>-</i>		
11	Huyện Bù Gia Mập	113.900	33.489	29,4	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>56.900</i>	<i>13.080</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>57.000</i>	<i>20.409</i>		
12	Huyện Phú Riềng	149.800	37.010	24,7	
	<i>Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố</i>	<i>55.800</i>	<i>-</i>		
	<i>Vốn thực hiện dự án</i>	<i>94.000</i>	<i>37.010</i>		
13	Các đơn vị khác	2.469.794	72	0,0	
13.1	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	55.000	-		
13.2	Công an tỉnh	40.342	-		
13.3	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	251.850	-		
13.4	Sở Tài chính	1.598.790	-		
13.5	Sở Tài nguyên và Môi trường	76.700	-		
13.6	Sở Thông tin và Truyền thông	200.000	-		
13.7	Hội Nông dân tỉnh	2.500	-		
13.8	Liên minh HTX tỉnh	10.000	-		

13.9	Ban Dân tộc	186.242	-		
13.10	Sở Y tế	29.166	-		
13.11	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	12.457	-		
13.12	Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Bình Phước (nay là Trung tâm kiểm soát bệnh tật)	14	-		
13.13	Vườn Quốc gia Bù Gia Mập	2.987	-		
13.14	Đài PTTH và Báo Bình Phước	3.746	72		
14	Vốn chưa giao chi tiết	202.315			



BIỂU 4**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 02 THÁNG ĐẦU NĂM 2025***(Kèm theo Công văn số 929 /UBND-TH ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**DVT: Triệu đồng*

STT	Ngành lĩnh vực	Kế hoạch vốn năm 2025	Thực hiện giải ngân 02 tháng năm 2025 (đến ngày 24/02/2025)	Tỷ lệ (%)
Tổng cộng		5.594.854	485.883	8,7
1	Công nghiệp	22.620	6.545	28,9
2	Giao thông vận tải và Hạ tầng đô thị	3.987.782	400.897	10,1
3	Y tế	150.933	33.228	22,0
4	Giáo dục và Đào tạo	241.314	33.228	13,8
5	Văn hóa - Xã hội	24.017	11.842	49,3
6	Quốc phòng - An ninh	95.342	-	0,0
7	Nông nghiệp, thủy lợi	156.887	-	0,0
8	Quản lý nhà nước	236.244	143	0,1
9	Công nghệ thông tin, chính quyền điện tử, chuyển đổi số	200.000	-	0,0
10	Chương trình MTQG Xây dựng NTM	281.016	-	0,0
11	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	186.242	-	0,0
12	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	12.457	-	0,0

